

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày 05- 02 -2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TP. CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Lê Bảo Ngân;**

Bà **Nguyễn Thị Thanh Sậm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Mỹ Y** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu**- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Võ Văn T, sinh ngày 20/5/2000. Tại: T - C - Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn B, sinh năm 1965 (sống) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1971 (sống); bị cáo chưa có vợ con; anh chị em ruột có 04 người, lớn nhất sinh năm 1989 nhỏ nhất sinh năm 2002. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/11/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Lê Phú Q, sinh ngày 24/9/2012. Có mặt.

Có người giám hộ là cha ruột ông Lê Thành N, sinh năm 1985. Có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Có Trợ giúp viên pháp lý ông Nguyễn Hoàng D thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố C. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Thành N, sinh năm 1985. Có mặt.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Ông Lê Quang H, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Bà Trương Thị L, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Nguyễn Văn Ngọc Đ1, sinh ngày 25/12/2013. Vắng mặt. Có người giám hộ là cha ruột ông Nguyễn Văn D1. Vắng mặt..

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Có Trợ giúp viên pháp lý bà Nguyễn Thị Chúc L1 thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố C. Có mặt.

Người làm chứng:

Nguyễn Trung H1, sinh ngày 15/12/2012. Vắng mặt.

Có người giám hộ là cha ruột ông Nguyễn Ngọc V. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 01/7/2012. Vắng mặt.

Có người giám hộ là mẹ ruột bà Lê Thị H2. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ cùng ngày Võ Văn T gặp Lê Phú Q, sinh ngày 24/9/2012, ngụ tại ấp T, xã T đang chạy ngoài đường bằng xe đạp điện, nên Tổng lại bắt chuyện làm quen, T thấy Q có xe đạp điện và điện thoại di động nên đã nảy sinh ý định muốn chiếm đoạt, lúc này T đã rủ Q là “Đi mua cái Pop với anh được không”(P là thuốc lá điện tử), Q hẹn T sẽ gặp lại vào buổi chiều khi học nên T đã đi đến trường học để đợi Q tan học cho Q chạy về nhà thay đồ xong chạy xe đạp điện đến Đình Lộ T gặp T. Lúc đến gặp thì T nhìn thấy trên giỏ xe đạp điện của Q có 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI REDMI 12 màu đen, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, lúc này T đã nói dối với Q là “Cho anh mượn xe đi mua Pop” thì Q đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe đạp điện chở theo Lê Nguyễn Đăng K

- sinh năm 2012 (bạn của Q và H1) chạy trước, còn H1 cùng với Q chạy xe đạp phía sau. Lúc này T cố ý chạy nhanh để cho H1 và Q không theo kịp, khi đi vào trong chợ T1 thì T kêu K xuống xe, đứng đợi để T đi mua đồ sau đó T lấy xe đạp điện và điện thoại di động của Q rồi bỏ đi. Đến ngày 29/9/2023 Tổng mang điện thoại di động đến cầm tại tiệm điện thoại do ông Nguyễn Thành Đ ngụ khu vực T, phường T, quận T làm chủ, với số tiền là 2.000.000 đồng. Đối với chiếc xe đạp điện T đem đi bán cho ông Lê Quang H, ngụ Khu V, phường T, quận T, với giá 1.000.000 đồng. Tất cả số tiền trên Tổng đã tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra, T còn khai nhận đã thực hiện 01 vụ trộm cắp xe đạp điện (không nhớ rõ thời gian) và 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 01 xe đạp điện màu đỏ vào ngày 27/10/2023 trên địa bàn xã T, huyện C. Cơ quan điều tra Công an huyện đã gửi thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C để xác minh làm rõ, xử lý theo đúng quy định pháp luật.

Về vật chứng trong vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại 01 chiếc điện thoại di động còn chiếc xe đạp điện thì không thu hồi được. Riêng đối với xe đạp của bị cáo T đã nhập kho vật chứng chờ xử lý.

Tại kết luận định giá tài sản số: 39/KL-HĐĐGTS, ngày 10/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện V kết luận: 01 điện thoại di động hiệu XIAOMI REDMI 12 màu đen, tình trạng đã qua sử dụng có giá 2.770.000 đồng. 01 xe đạp điện hiệu SONSU 18 inch, không nhún sau, màu xanh đen có giá 5.850.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 8.620.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKSVT ngày 03/01/2024 và tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Võ Văn T mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung miễn do các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc xe đạp màu đen nhãn hiệu GIANT do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố là đúng, không oan. Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Khi được nói lời nói sau cùng, bị cáo đã biết lỗi về hành vi phạm tội của mình nên mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Đ, ông Lê Quang H, bà Trương Thị L, Nguyễn Văn Ngọc Đ1, sinh ngày 25/12/2013 có người giám hộ là cha ruột ông Nguyễn Văn D1. Người làm chứng: Nguyễn Trung H1, sinh ngày 15/12/2012 có người giám hộ là cha ruột ông Nguyễn Ngọc V và Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 01/7/2012 có người giám hộ là mẹ ruột bà Lê Thị Hà tất cả đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra, việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại các Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Trong quá trình điều tra và qua thẩm tra, đối chất tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Như vậy, đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 28/9/2023 do cần tiền tiêu xài cá nhân bị cáo Võ Văn T đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại Lê Phú Q gồm

01 chiếc xe đạp điện và 01 điện thoại di động với tổng giá trị là 8.620.000 đồng. Do đó, Cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đảm bảo đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự địa phương, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo nhận thức được hành vi dùng chiêu trò gian dối đưa ra các thông tin sai sự thật để lợi dụng lòng tin của bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng với bản tính tham lam, lười lao động, mong muốn có tài sản mà không phải bỏ ra công sức nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần áp dụng hình phạt tương xứng là phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời hạn nhất định nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân chấp hành nghiêm pháp luật và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên, bị cáo sẽ phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội đối với người dưới 16 tuổi” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường nhưng hiện tại thì chưa có khả năng để bồi thường. Do đó, xét thấy cần buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với hành vi phạm tội của bị cáo T đã thực hiện 01 vụ trộm cắp xe đạp điện (không nhớ rõ thời gian) và 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt

tài sản là 01 xe đạp điện màu đỏ vào ngày 27/10/2023 trên địa bàn xã T, huyện C. Cơ quan điều tra Công an huyện đã gửi thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C để xác minh làm rõ, xử lý theo đúng quy định pháp luật là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Thành Đ là chủ tiệm điện thoại di động Thành Đạt vào ngày 29/09/2023 có nhận cầm của bị cáo Tổng 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI REDMI 12 màu đen với số tiền 2.000.000 đồng. Ông Đ không biết tài sản nêu trên là do phạm tội mà có nên đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra và không có yêu cầu Tổng bồi thường số tiền nêu trên. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông Đ là phù hợp.

Đối với ông Lê Quang H xác định vào cuối tháng 9/2023 T có đến bán 01 xe đạp điện màu xanh, đen nhãn hiệu SONSU, không nhún sau, với số tiền 1.000.000 đồng. Đến ngày 30/10/2023 ông H đã bán chiếc xe nêu trên cho chị Trương Thị L ở số H, huyện T, tỉnh Kiên Giang với số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó, bà L bán lại cho người phụ nữ không rõ họ tên địa chỉ nên tang vật nêu trên chưa thu hồi được. Việc ông H và bà L không biết tài sản nêu trên là do phạm tội mà có nên ông H đã tự nguyện giao nộp số tiền hưởng lợi chênh lệch là 2.000.000 đồng để khắc phục nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông H và bà L là phù hợp. Kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, truy tìm tang vật xử lý sau.

[9] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào các: khoản 1 Điều 174, Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 07/11/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Võ Văn T phải bồi thường cho bị hại Lê Phú Q số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bị hại Lê Phú Q có đơn yêu cầu thi hành án thì bị cáo Võ Văn T phải chịu lãi suất đối với số tiền tương ứng với

thời gian chậm thi hành án, tương ứng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc xe đạp màu đen nhãn hiệu GIANT của bị cáo Võ Văn T.

(Vật chứng được lưu giữ tại kho vật chứng thuộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh theo Quyết định chuyển vật chứng số:05/QĐ-VKSVT ngày 03/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Võ Văn T phải nộp 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng). Trong đó, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CAND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Thị Ánh Đào